

NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN



Thời lượng: 45 tiết



Mục đích môn học

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý kế toán:

- bản chất, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của kế toán
- tầm quan trọng của thông tin kế toán đối với hoạt động kinh doanh và nền kinh tế
- các nguyên tắc, phương pháp kế toán
- quá trình đo lường, ghi chép và cung cấp thông tin kế toán



Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc bài trước khi đến lớp
- Tham gia các buổi học tại lớp
- Làm bài tập, thảo luận theo nhóm để củng cố lý thuyết và rèn luyện kỹ năng thực hành kế toán
- Làm các bài kiểm tra trong kỳ và thi hết học phần.
- Tham khảo các tài liệu theo chỉ dẫn của giáo viên.



Nội dung

Chương 1: Tổng quan về kế toán

Chương 2: Chứng từ kế toán

Chương 3: Tính giá các đối tượng kế toán

Chương 4: Tài khoản kế toán và ghi kép

Chương 5: Hệ thống báo cáo kế toán tài chính

Chương 6: Hình thức kế toán

Chương 7: Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu



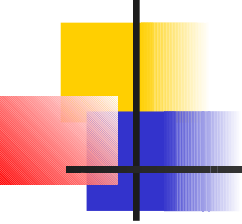
Chương 1

Tổng quan về kế toán

Mục đích:

1. Định nghĩa kế toán và mô tả vai trò của kế toán và yêu cầu đối với thông tin kế toán
2. Phân biệt kế toán tài chính và kế toán quản trị
3. Hiểu được các giả thuyết và nguyên tắc kế toán được công nhận (GAAPs)
4. Hiểu rõ đối tượng của kế toán và đặc trưng của nó
5. Hiểu được quy trình kế toán
6. Hiểu khái quát về hệ thống phương pháp kế toán
7. Hiểu khái quát về hệ thống báo cáo kế toán tài chính
8. Hiểu được kế toán là một nghề nghiệp với những trách nhiệm về đạo đức

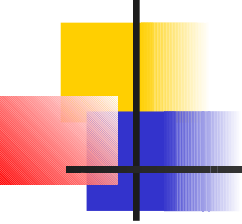
Sơ lược lịch sử phát triển của kế toán

- 
-
- 4 điều kiện ra đời của kế toán
 - Biết đọc, biết viết
 - Hệ thống số viết
 - Chất liệu sổ sách
 - Xuất hiện của tiền – đơn vị đo lường chung
 - Trước thế kỷ 13
 - Sau thế kỷ 13: xuất hiện kế toán kép – Paciolo (1494)

Kế toán ở Việt nam

- Từ 1945-1954
- Từ 1954-1990
 - 1957: kế toán áp dụng trong công nghiệp và xây dựng
 - 1970: điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước
 - 1988: Pháp lệnh kế toán và thống kê
- Từ 1990 – nay
 - 1994: Hệ thống kế toán mới
 - 2001-nay: Chuẩn mực kế toán
 - 2003: Luật kế toán

Các loại hình doanh nghiệp Việt Nam

- 
-
- Cty TNHH
 - Cty cổ phần
 - Cty hợp danh
 - Doanh nghiệp tư nhân

Kế toán là gì?

- Quan điểm trước đây
- Quan điểm quốc tế
„Hệ thống thông tin và kiểm tra dùng để đo lường/phản ánh, xử lý và truyền đạt những thông tin về tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền tạo ra của một đơn vị kinh tế“
- Quan điểm theo luật của Việt Nam (điều 4)
„Kế toán là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động“.



Ba công việc cơ bản của kế toán

- Đo lường
- Xử lý/ghi nhận
- Truyền đạt thông tin



Ba câu hỏi cơ bản của kế toán

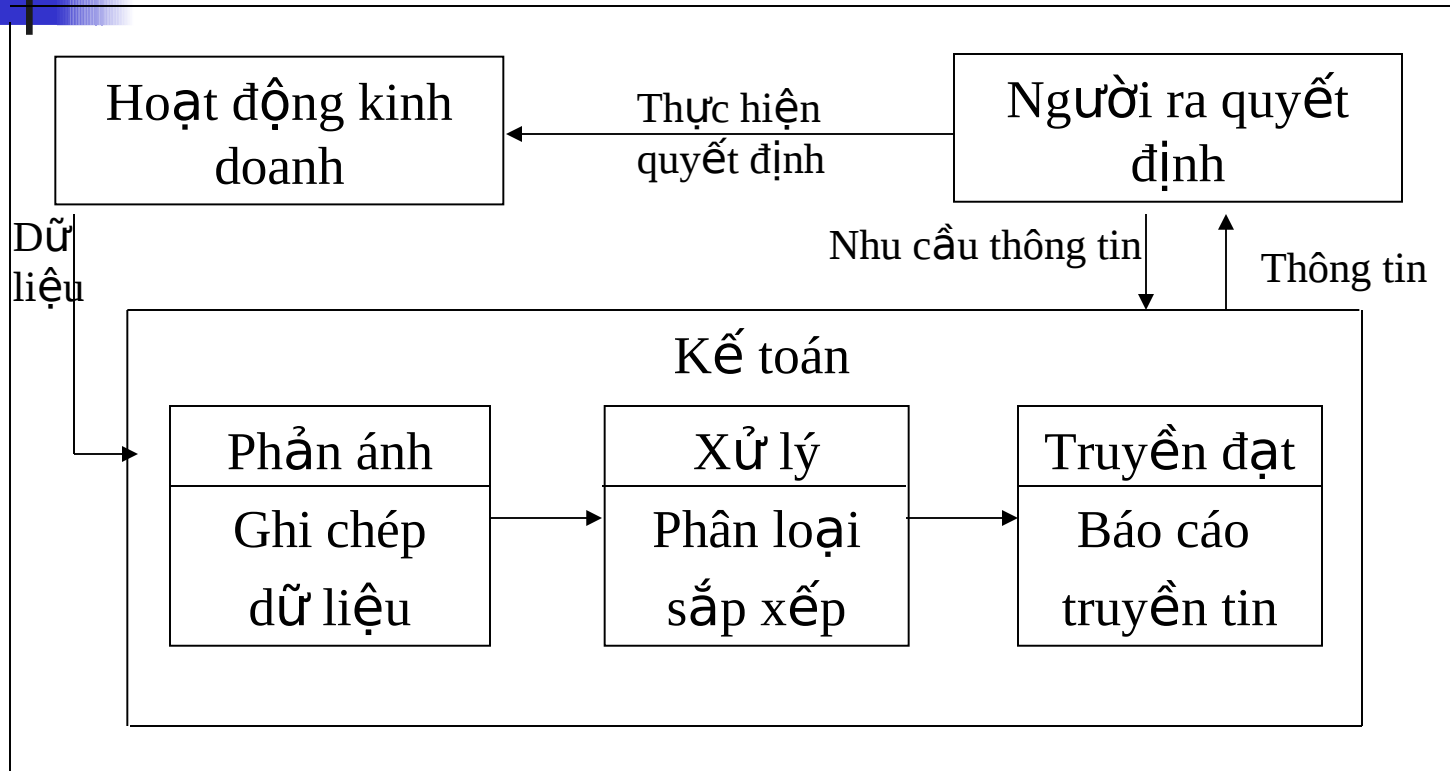
Đo lường và ghi nhận/xử lý

- **Cái gì?** (*hoạt động của đơn vị: vốn kinh doanh, quá trình và kết quả kinh doanh, luồng tiền*)
- **Khi nào và Như thế nào?** (*giả thuyết, nguyên tắc, chuẩn mực, phương pháp, công cụ và phương tiện*)

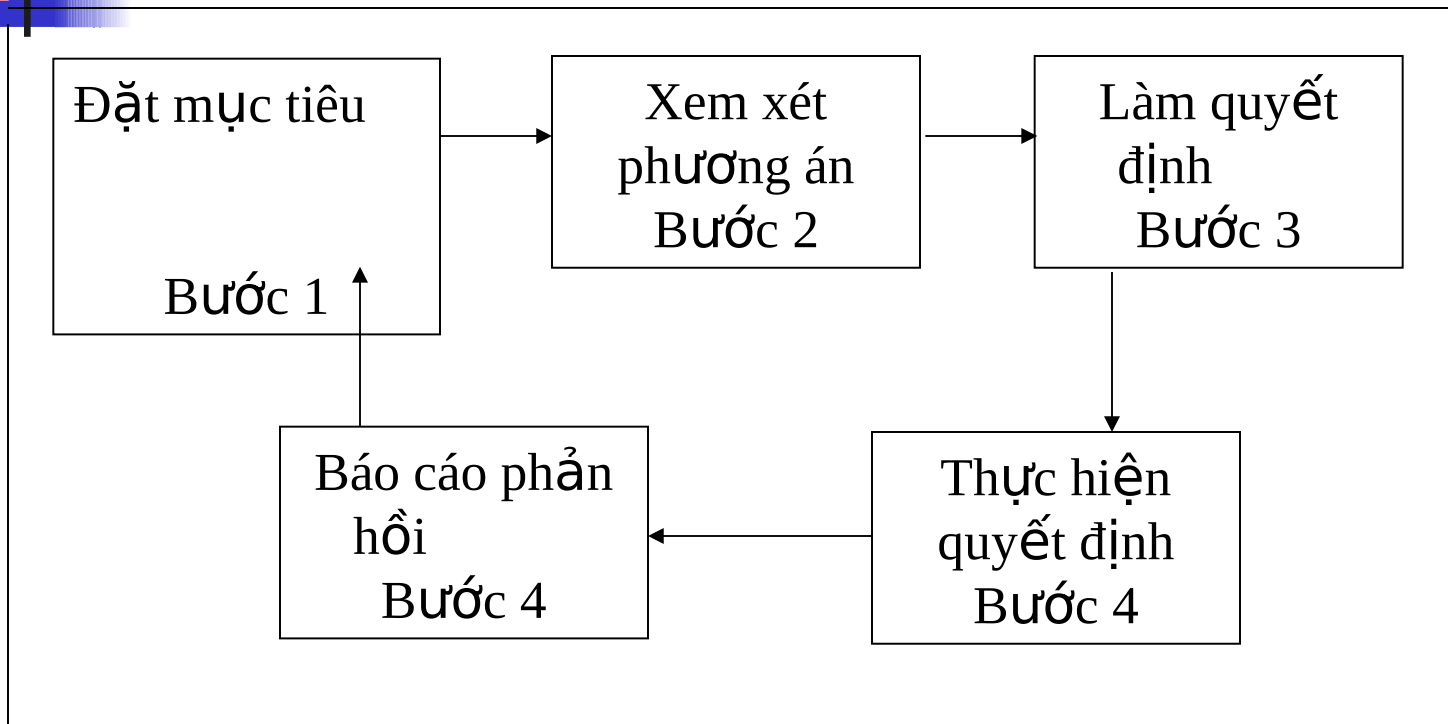
Truyền đạt/cung cấp thông tin

- **Bằng cách nào?** (*báo cáo tài chính*)

Chức năng của kế toán – cung cấp thông tin cho quản lý



Kế toán trong tiến trình ra quyết định



- Lập kế hoạch
- Kiểm tra thực hiện
- Lượng giá thực hiện

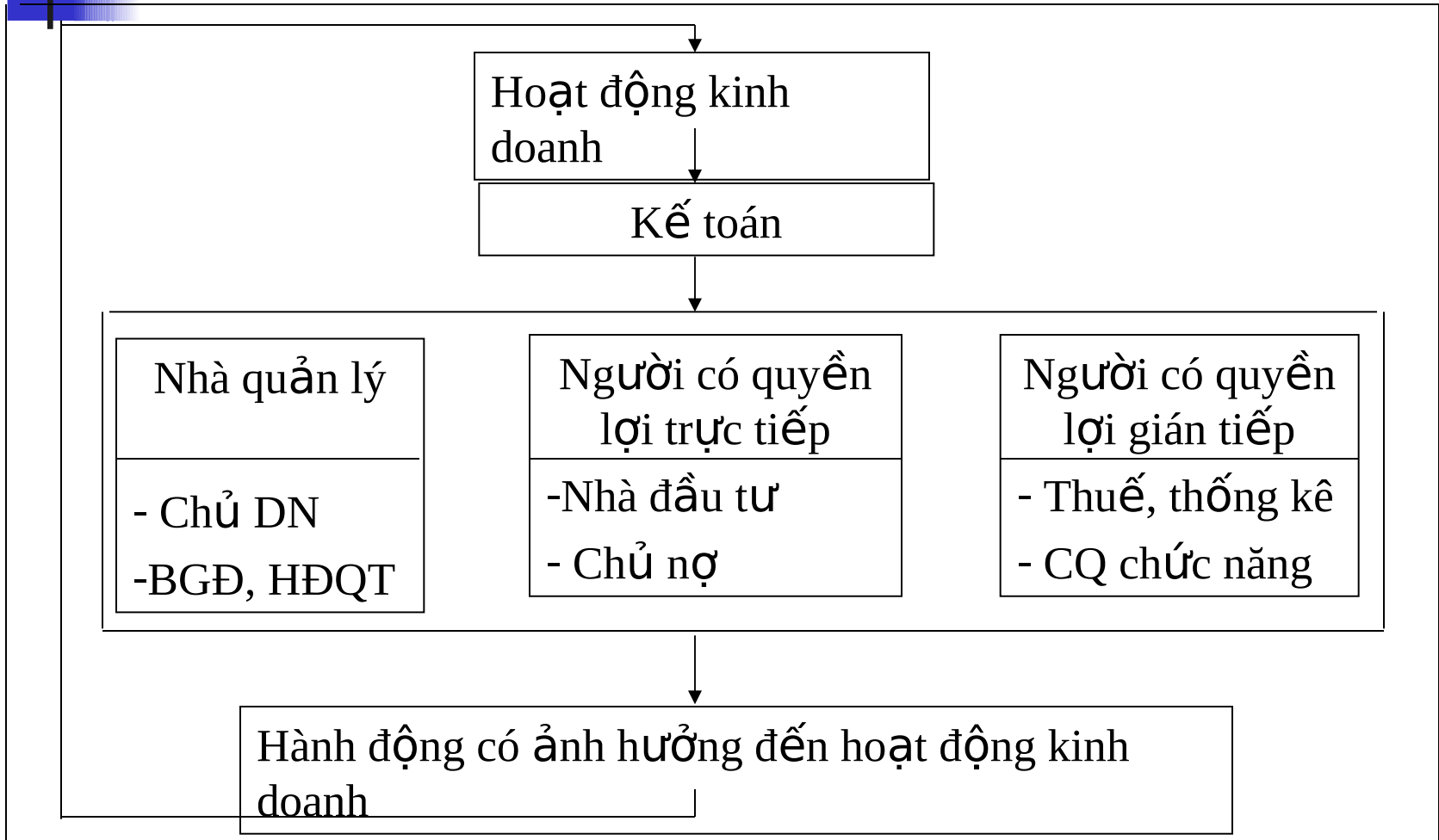


Lưu ý

Cần phân biệt giữa kế toán và:

- Việc giữ sổ sách
- Hệ thống điện toán
- Hệ thống thông tin nội bộ

Đối tượng sử dụng thông tin kế toán





Yêu cầu cơ bản đối với thông tin kế toán

- Dễ hiểu
- Đáng tin cậy (*trung thực, khách quan, đầy đủ*)
- Có thể so sánh được



Đạo đức nghề nghiệp và dịch vụ kế toán

- Kế toán là một nghề chuyên môn - Đạo đức nghề nghiệp
 - *Áp dụng các nguyên tắc về hạnh kiểm, xác định những hành động đúng, sai, nguyên tắc đạo đức trong khi hành nghề*
 - *Ngay thẳng*
 - *Lương thiện, khách quan*
 - *Tinh thần phục vụ trên quyền lợi cá nhân*
 - *Độc lập*
 - *Thận trọng, cẩn thận*
 - *Đảm bảo bí mật thông tin*



Đạo đức nghề nghiệp và dịch vụ kế toán

- Dịch vụ kế toán
 - *Kiểm toán, Tư vấn thuế, Dịch vụ tư vấn quản trị v.v.*

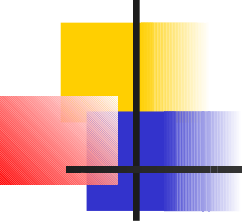
Phân biệt kế toán tài chính và kế toán quản trị (Điều 4, Luật Kế toán)

- Kế toán quản trị

*Cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch, điều hành, kiểm tra và ra quyết định trong **nội bộ** đơn vị*

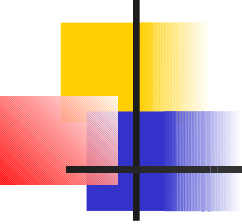
- Kế toán tài chính

*Cung cấp thông tin kinh tế, tài chính bằng báo cáo tài chính cho đối tượng **bên trong và bên ngoài** đơn vị*



Khái niệm cơ bản (*giả thuyết*) (*Điều 2&4, Luật kế toán*)

- Thực thể kinh doanh
- Thước đo tiền tệ
- Kỳ kế toán



Nguyên tắc kế toán được công nhận
Generally Accepted Accounting Principles - GAAPs
Chuẩn mực kế toán 01& điều 7, Luật kế toán)

Thế nào là **nguyên tắc** kế toán?

Là những quy ước, chỉ dẫn, hướng dẫn xuyên suốt trong quá trình thực hiện các công việc kế toán được nhiều người công nhận ở một thời điểm.

Lưu ý: GAAP không phải là bất biến

Nguyên tắc kế toán được công nhận

Tiếp theo

1. Cơ sở dồn tích
2. Hoạt động liên tục
3. Giá gốc
4. Phù hợp
5. Nhất quán
6. Thận trọng
7. Trọng yếu

Các tổ chức quốc tế ảnh hưởng đến chuẩn mực kế toán

- Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB)
International Accounting Standards Committee
- Hội đồng Tiêu chuẩn Kế toán Tài chính (FASB)
Financial Accounting Standards Board
- Ủy ban chứng khoán của Mỹ (SEC)
Securities and Exchange Commission
- Viện kế toán công chứng của Mỹ (AICPA)
American Institute of Certified Public Accountants



Các tổ chức ảnh hưởng đến chuẩn mực kế toán Việt Nam

Chuẩn mực kế toán là những nguyên tắc, phương pháp kế toán cơ bản để ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.

1. Chính phủ - Ban hành Luật kế toán
2. Bộ tài chính – Ban hành Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán
3. Hội Kế toán Kiểm toán Việt Nam

Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)

Đợt 1 (4 chuẩn mực)

Số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001

1. Chuẩn mực số 02 – Hàng tồn kho
2. Chuẩn mực số 03 – Tài sản cố định hữu hình
3. Chuẩn mực số 04 – Tài sản cố định vô hình
4. Chuẩn mực số 14 – Doanh thu và thu nhập khác

Thông tư số 89/2002/TT-BTC ngày 09/10/2002

Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)

Đợt 2 (6 chuẩn mực)

Số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002

- Chuẩn mực số 01 – Chuẩn mực chung
- Chuẩn mực số 06 – Thuê tài sản
- Chuẩn mực số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái
- Chuẩn mực số 15 – Hợp đồng xây dựng
- Chuẩn mực số 16 – Chi phí đi vay
- Chuẩn mực số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thông tư số 105/2003/TT-BTC ngày 04/11/2003

Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)

Đợt 3 (6 chuẩn mực)

Số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003

- Chuẩn mực số 05 – Bất động sản đầu tư
- Chuẩn mực số 07 – Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết
- Chuẩn mực số 08 – Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh
- Chuẩn mực số 21 – Trình bày báo cáo tài chính
- Chuẩn mực số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con
- Chuẩn mực số 26 – Thông tin về các bên liên quan

Thông tư số 23/2005/TT-BTC ngày 30/03/2005

Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)

Đợt 4 (6 chuẩn mực)

Số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005

- Chuẩn mực số 17 – Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Chuẩn mực số 22 – Trình bày bổ sung báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự
- Chuẩn mực số 23 – Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- Chuẩn mực số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ
- Chuẩn mực số 28 – Báo cáo bộ phận
- Chuẩn mực số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót

Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/06

Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)

Đợt 5 (4 chuẩn mực)

Số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005

- Chuẩn mực số 11 – Hợp nhất kinh doanh
- Chuẩn mực số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng
- Chuẩn mực số 19 – Hợp đồng bảo hiểm
- Chuẩn mực số 30 – Lãi trên cổ phiếu

Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/06

Đối tượng của kế toán

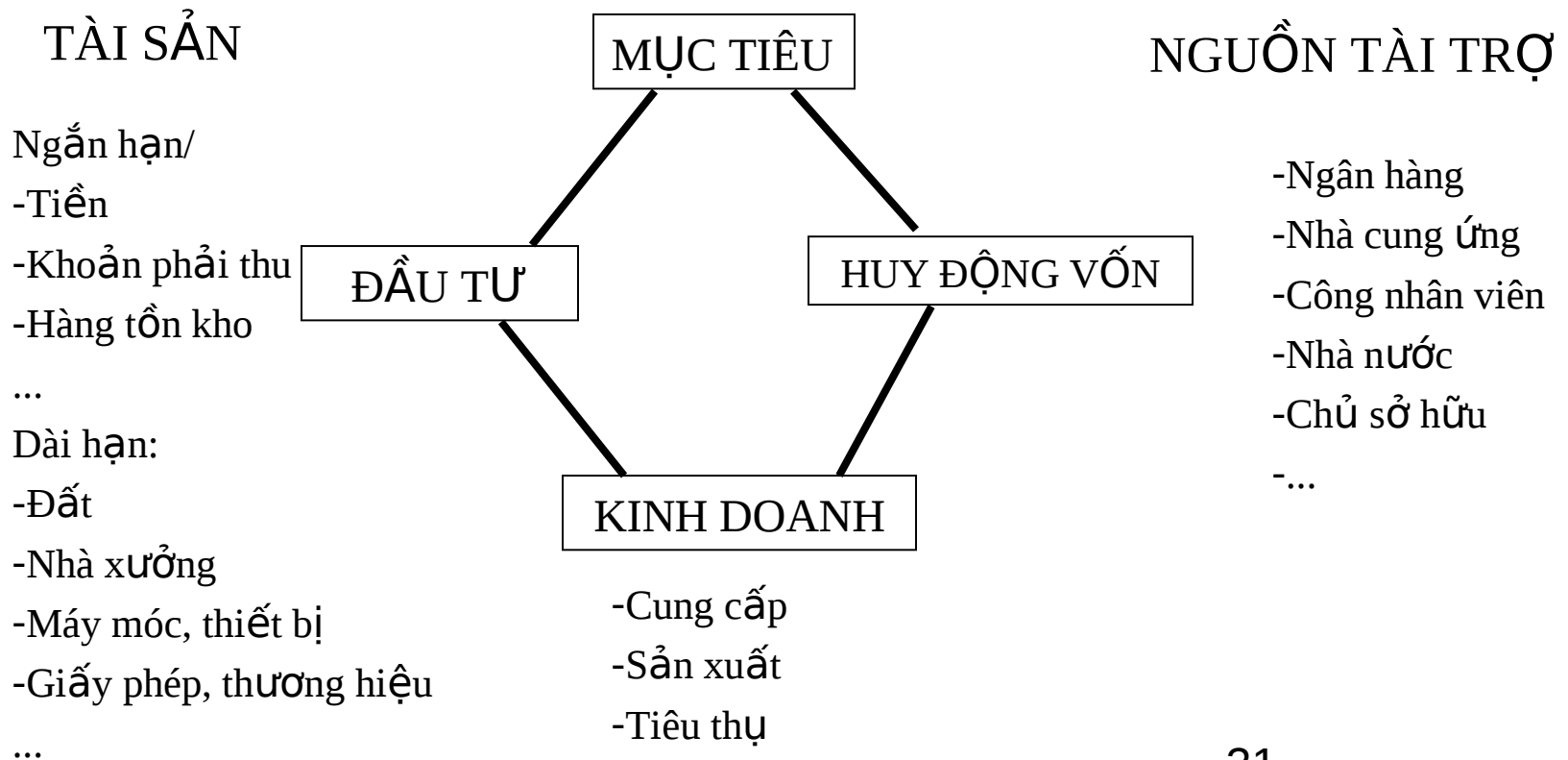
(Điều 9, Luật kế toán)

Kế toán đo lường và phản ánh cái gì?

Đối tượng của kế toán

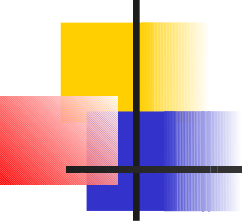
(Điều 9, Luật kế toán)

Quá trình kinh doanh



Đối tượng của kế toán

(Điều 9, Luật kế toán)

- 
-
- Khái niệm
 - Tài sản và nguồn hình thành tài sản
 - Sự vận động của tài sản trong quá trình hoạt động, kinh doanh

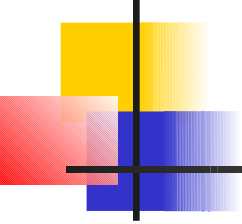


Tài sản

- **Nguồn lực của tổ chức**
- **Công cụ quản lý kinh tế nội bộ tổ chức**
- **Công cụ quản lý xác định nội dung bảng tài sản**

TAØI SAÛN

Nguoàn löic cuûa toả chöùc

- 
- **Thuoäc sôu höõu cuûa toả chöùc**
 - **Toả chöùc kieám soaùt ñöôic nguoàn löic moät caùch chaéc chaén**
 - Tieàn maët, Tieàn göüi ngaân haøng
 - Caùc khoaûn phaûi thu
 - Haøng toàen kho
 - Maùy moùc thieát bò, nhaø xöôûng, v.v...

Còu giàu trò kinh teá ñoái vôùi toả chòuc

- **Ñoá laiï lôii ích kinh teá cho toả chòuc: *tăng nguôn tiển và tương đưong tiển***
- **Nhõõng khoaùn naø döôùi ñaây ñöôic xem laø taøi saün cuûa möät cõu haøng baùn quaàn aùo?**
 - Tieàn maët trong keùt saét
 - Phải thu tieàn töø khaùch haøng
 - Quaàn aùo baøy baùn taïi cõu haøng
 - Maùy tính tieàn

TAØI SAÛN

Cou giaù trò xaùc ñònh

- **Taøi saùn phaûi ñöôïc huy ñoäng vôi giaù thaønh xaùc ñònh ñöôïc baèng tieàn**
 - Công ty TNHH Bình Minh mua lại Công ty TNHH Bảo Thành, trong giá mua bao gồm một khoản ñöôïc gọi là “Nhãn hi eâu thöông mai” cou trò giaù là 300 tri eâu. Trong keá toaùn, “Nhãn hi eâu thöông mai” cou ñöôïc xem là taøi saùn của Công ty TNHH Bình Minh không?

Bài tập ứng dụng 1.1

Nhận biết tài sản

Có tài liệu sau tại một đơn vị: (ĐVT: 1.000đ)

- Tiền mặt tại quỹ 10.000
- Phải trả người bán 90.000
- Nguyên vật liệu 150.000
- Máy móc thiết bị 550.000
- Nợ dài hạn 100.000
- Tiền gửi ngân hàng 120.000
- Thành phẩm 450.000
- Thuế phải nộp 45.000

Hỏi: Mục nào trên đây là tài sản của đơn vị này?

Phân loại tài sản

1. TS ngắn hạn
sử dụng, luân chuyển, thu hồi trong vòng 12 tháng hoặc 1 chu kỳ kinh doanh
2. TS dài hạn
*giá trị lớn
thời gian luân chuyển dài*

TÀI SẢN NGẮN HẠN

- Theo lĩnh vực chu chuyển
 - sản xuất
 - lưu thông
 - tài chính
- Theo mức độ thanh hoạt
 - Tiền
 - Đầu tư tài chính ngắn hạn
 - Các khoản phải thu
 - Hàng tồn kho
 - TSLĐ khác



TÀI SẢN DÀI HẠN

- Phải thu dài hạn
- TSCĐ
- Đầu tư tài chính dài hạn



PHẢI THU DÀI HẠN

Phải thu khách hàng dài hạn

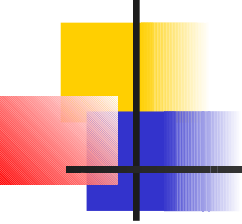


TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

4 tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ theo Chuẩn mực 03&04

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế
2. Nguyên giá xác định một cách đáng tin cậy
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm
4. Đủ tiêu chuẩn giá trị (từ 10 triệu trở lên)

TS dài hạn

- 
- Theo hình thái biểu hiện
 - TSCĐ hữu hình
 - TSCĐ vô hình
 - Theo hình thái biểu hiện kết hợp với tính chất đầu tư
 - TSCĐ hữu hình tự có
 - TSCĐ vô hình tự có
 - TSCĐ thuê tài chính
 - TSCĐ tài chính
 - TSCĐ khác



Bài tập ứng dụng 1.2

Phân biệt TS ngắn hạn và TS dài hạn

Tại một đơn vị có những TS sau đây: (ĐVT:1.000đ)

1.	Tiền mặt	10.000
2.	Nguyên vật liệu	48.000
3.	Tiền gửi ngân hàng	40.000
4.	Phải thu của khách hàng	4.000
5.	Máy móc thiết bị	400.000
6.	Phương tiện vận tải	230.000
7.	Nhà xưởng	300.000
8.	Thành phẩm gửi bán	195.000

Hỏi: Phân biệt TS ngắn hạn và TS dài hạn?



Nguồn hình thành tài sản

Nguồn vốn của toàn chức năng hay năng lực nhiều nguồn khác nhau

Nguồn vốn của thể chức năng hay năng lực:

- Ngân hàng
- Ngân hàng cho vay
- Nhà cung ứng
- Nhà chức năng
- Chủ sở hữu
- Ngân hàng lao động



Phân loại nguồn hình thành tài sản

Nguồn vốn có thể phân thành 2 nhóm :

- ❖ **Nội phát triển**
- ❖ **Nguồn vốn chủ sở hữu**



NÔI PHAÛI TRAÛ

- Laø nghóa vui cuõa toả chöùc ñoái vôi nhöõng beân ñã cung caáp caùc nguoàn löïc cho toả chöùc
- Theỏ hieän quyeàn ñoøi cuõa caùc chuû nôi ñoái vôi taøi saün cuõa toả chöùc

NÔI NGAÉN HAÏN

Caùc khoaùn nôi phaûi thanh toaùn trong voøng 12 thaùng

- Khoaùn vay ngaén haïn
- Khoaùn vay daøi haïn nhöng gaèn ñeán haïn traû
- Khoaùn phaûi traû cho caùc nhaø cung öùng
- Khoaùn nôi theá cuõa Nhaø nöôùc
- Khoaùn nôi löông cuõa ngôøi lao ñoäng



Nợ phải trả

NỖI DAØI HAÏN

Caùc khoaùn nôï khoâng phaûi thanh toaùn trong voøng 12 thaùng

- **Caùc khoaùn vay daøi haïn**
- **Caùc khoaùn nôï daøi haïn**



VOÁN CHUÛ SÔÛ HỒÛU

**Ñöôic huy ñoäng töø nhöõng nguoàn
khaùc khoâng phaûi laø nôï**

- **Laø cheânh leäch giöõa toảng giaù trò
TAØI SAÛN vaø NÔÏ PHAÛI TRAÛ**
- **Theả hieän traùi quyeàn cuûa caùc chuû
sôû höõu lên tạøi saûn cuûa toả chöùc**
 - **Voán gòp ban ñaàu cuûa caùc chuû sôû höõu**
 - **Voán ñoùng gòp theâm trong quaù trình
hoait ñoäng**
 - **Lôïi nhuaän taïo ra trong kinh doanh**

Phương trình kế toán cơ bản

Đẳng thức kế toán

TÀI SẢN = NỢ PHẢI TRẢ + VỐN CHỦ SỞ HỮU

VỐN CHỦ SỞ HỮU = TÀI SẢN - NỢ PHẢI TRẢ

Tính cân bằng của đẳng thức kế toán

Ví dụ 1: Vào ngày 31 tháng 1 năm 200X có tài liệu sau tại một đơn vị (ĐVT: 1.000đ)

1.	Tiền mặt	50.000
2.	Tiền trong tài khoản tại Ngân hàng	150.000
3.	Quầy bán hàng	300.000
4.	Nhà kho	200.000
5.	Nhãn hiệu	300.000
6.	Nguồn vốn chủ sở hữu	800.000
7.	Vay dài hạn	200.000

TÀI SẢN = 1.000.000

NỢ PHẢI TRẢ = 200.000

NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU = 800.000

TÀI SẢN = NỢ PHẢI TRẢ + NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tính cân bằng của đẳng thức kế toán

Nghiệp vụ 1: Vào ngày 1 tháng 4 năm 200X đơn vị mua hàng hoá trả bằng tiền gửi ngân hàng 50.000 (ĐVT: 1.000đ)

1.	Tiền mặt	50.000
2.	Tiền trong tài khoản tại Ngân hàng	100.000
3.	Hàng hoá	50.000
4.	Quầy bán hàng	300.000
5.	Nhà kho	200.000
6.	Nhãn hiệu	300.000
7.	Nguồn vốn chủ sở hữu	800.000
8.	Vay dài hạn	200.000

TÀI SẢN = 1.000.000

NỢ PHẢI TRẢ = 200.000

NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU = 800.000

TÀI SẢN = NỢ PHẢI TRẢ + NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

hàng hoá + 50.000

TGNH - 50.000

Tính cân bằng của đẳng thức kế toán

Nghiệp vụ 2: Vào ngày 5 tháng 4 năm 200X đơn vị mua chịu hàng hoá 100.000 (ĐVT: 1.000đ)

1.	Tiền mặt	50.000
2.	Tiền trong tài khoản tại Ngân hàng	100.000
3.	Hàng hoá	150.000
4.	Quầy bán hàng	300.000
5.	Nhà kho	200.000
6.	Nhãn hiệu	300.000
7.	Nguồn vốn chủ sở hữu	800.000
8.	Phải trả người bán	100.000
9.	Vay dài hạn	200.000

TÀI SẢN = 1.100.000

NỢ PHẢI TRẢ = 300.000

NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU = 800.000

TÀI SẢN = NỢ PHẢI TRẢ + NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU
hàng hoá + 100.000 Nợ người bán + 100.000

Bài tập ứng dụng 1.3

Nhận biết Nợ phải trả và NVCSH

Tài liệu tại một đơn vị như sau: (ĐVT: 1.000đ)

1.	Phải trả cho người bán	45.000
2.	Phải nộp cho nhà nước	6.000
3.	Nguồn vốn kinh doanh	1.100.000
4.	Lợi nhuận chưa phân phối	15.000
5.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	12.000
6.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	20.000
7.	Nợ dài hạn	190.000

Hỏi: Nhận biết các khoản Nợ phải trả và Nguồn vốn chủ sở hữu của đơn vị này

Bài tập ứng dụng 1.4

Lập phương trình kế toán cơ bản

Tài liệu tại một đơn vị như sau: (ĐVT:
1.000đ)

1.	Máy móc thiết bị	350.000	9.	Phải trả cho người bán	45.000
2.	Phương tiện vận tải	260.000	10.	Phải nộp cho nhà nước	6.000
3.	Kho tàng	230.000	11.	Nguồn vốn kinh doanh	1.100.000
4.	Lợi nhuận chưa phân phối	15.000	12.	Thành phẩm	195.000
5.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	12.000	13.	Tiền gửi ngân hàng	100.000
6.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	20.000	14.	Phải thu của khách hàng	75.000
7.	Nợ dài hạn	190.000	15.	Nguyên vật liệu	128.000
8.	Tiền mặt	50.000			

Hỏi: Lập phương trình kế toán cơ bản dựa trên các tài liệu trên đây

Bài tập ứng dụng 1.5

Nhận biết tài sản và nguồn vốn

Tài liệu tại một đơn vị như sau: (ĐVT:
1.000đ)

1.	Phải trả cho người bán	125.000	9. Máy móc thiết bị	x
2.	Nguyên vật liệu	260.000	10. Phải nộp cho nhà nước	
3.	Nhà xưởng	530.000	26.000	
4.	Phương tiện vận tải		11. Nguồn vốn kinh doanh	
	120.000		1.700.000	
5.	Lợi nhuận chưa phân phối	38.000	12. Thành phẩm	595.000
6.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	20.000	13. Tiền gửi ngân hàng	
7.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	120.000	160.000	
8.	Nợ dài hạn	250.000	14. Phải thu của khách hàng	
9.	Tiền mặt	55.000	75.000	

Hỏi: Tính x? Phân biệt tài sản và nguồn vốn của đơn vị này

2.279.000/484.000

Bài tập ứng dụng 1.5

Phương trình kế toán cơ bản

Hãy sử dụng phương trình kế toán cơ bản để phân tích các nghiệp vụ sau: 5ĐVT: 1.000đ)

1. Chủ sở hữu A góp vốn bằng tiền mặt 500.000
2. Mua hàng hoá trả bằng tiền mặt 50.000
3. Vay ngân hàng trả nợ mua MMTB 200.000
4. Chủ sở hữu B rút vốn 150.000

Bài tập ứng dụng 1.5

Phương trình kế toán cơ bản

1. Chủ sở hữu A góp vốn bằng TGNH 500.000

$$\begin{array}{l} \text{TÀI SẢN} = \text{NỢ PHẢI TRẢ} + \text{NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU} \\ \text{TGNH} + 500.000 \qquad \qquad \qquad \text{NVCSH} + 500.000 \end{array}$$

Nhận xét: Tăng TS, tăng NV cùng một lượng 500.000.

Phương trình kế toán đảm bảo cân bằng

2. Mua hàng hoá trả bằng tiền mặt 50.000

$$\begin{array}{l} \text{TÀI SẢN} = \text{NỢ PHẢI TRẢ} + \text{NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU} \\ \text{Hàng hoá} + 50.000 \\ \text{Tiền mặt} - 50.000 \end{array}$$

Nhận xét: Tăng một TS, giảm một TS khác cùng một lượng 50.000. Phương trình kế toán đảm bảo cân bằng

Bài tập ứng dụng 1.5

Phương trình kế toán cơ bản

3. Vay dài hạn ngân hàng trả nợ mua MMTB 200.000

$$\text{TÀI SẢN} = \text{NỢ PHẢI TRẢ} + \text{NVCSH}$$

Nợ người bán - 200.000

Vay dài hạn + 200.000

Nhận xét: Tăng một NV, giảm một NV khác cùng một lượng 200.000. Phương trình kế toán đảm bảo cân bằng

4. Chủ sở hữu B rút vốn bằng chuyển khoản 150.000

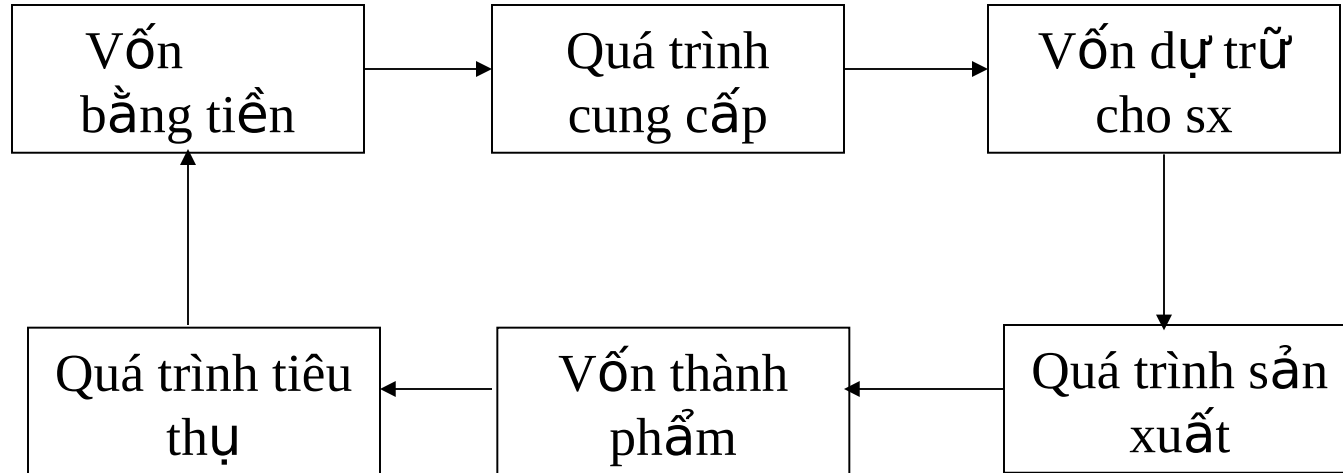
$$\text{TÀI SẢN} = \text{NỢ PHẢI TRẢ} + \text{NVCSH}$$

TGNH - 150.000

NVCSH - 150.000

Nhận xét: Giảm một TS, giảm một NV cùng một lượng 150.000. Phương trình kế toán đảm bảo cân bằng

Vận động tuần hoàn của vốn



Kết luận chung về đối tượng kế toán

- Đối tượng: Vốn kinh doanh (tài sản và nguồn hình thành tài sản), tuần hoàn của vốn kinh doanh
- Đặc điểm
 - Tính hai mặt, độc lập nhưng cân bằng về lượng
 - Tính vận động theo chu kỳ khép kín
 - Tính đa dạng
 - Tính lợi ích

Hệ thống phương pháp kế toán

- Phương pháp chứng từ kế toán
- Phương pháp đối ứng tài khoản
- Phương pháp tính giá
- Phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán

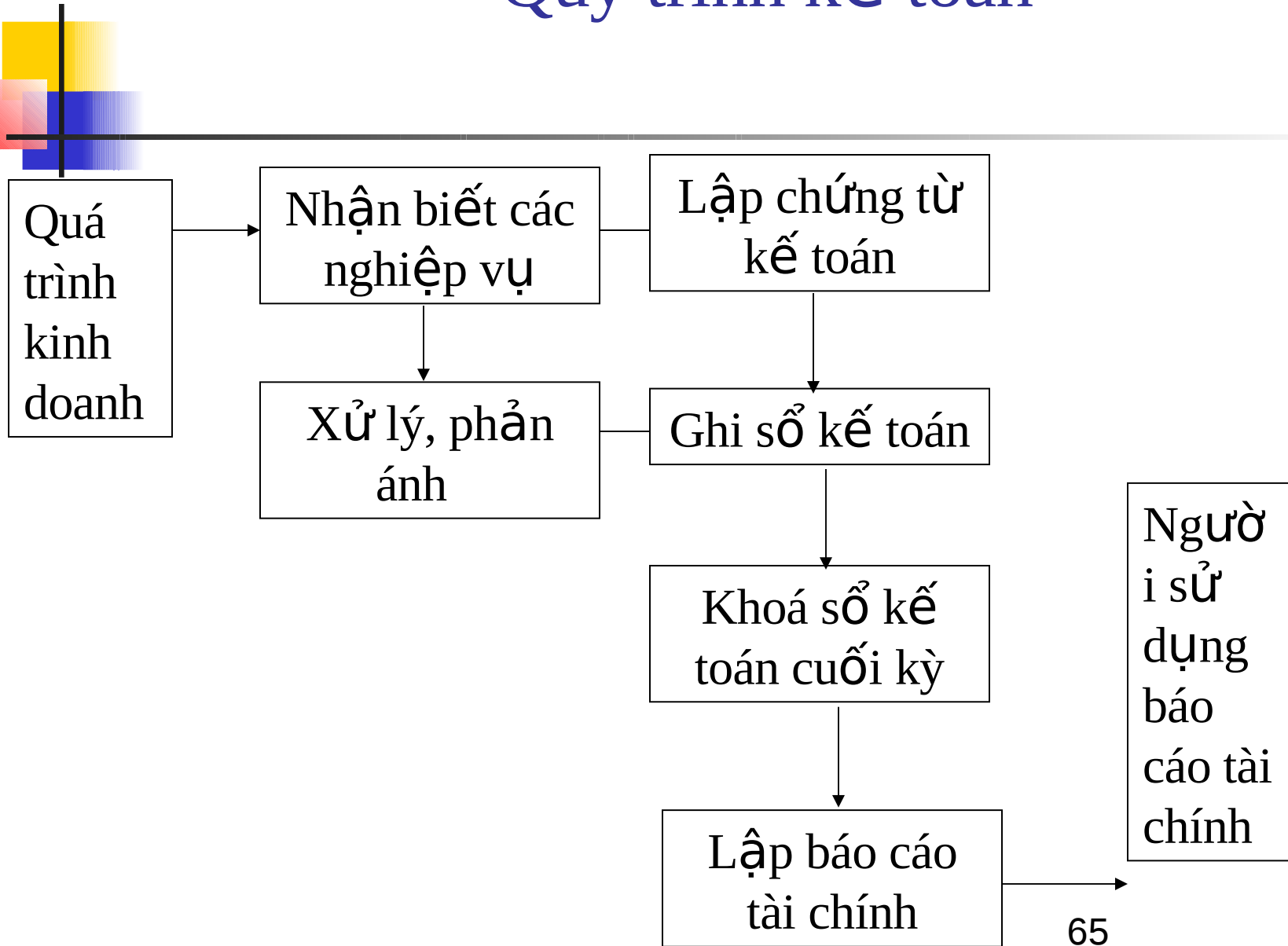
Hệ thống phương pháp kế toán

- **Phương pháp chứng từ kế toán** Thông tin và kiểm tra về sự hình thành nghiệp vụ kinh tế
Hệ thống bản chứng từ, luân chuyển chứng từ
- **Phương pháp đối ứng tài khoản** - vận động của vốn kinh doanh
Hệ thống tài khoản

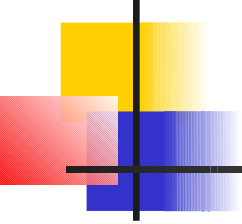
Hệ thống phương pháp kế toán

- **Phương pháp tính giá** – chi phí hoạt động, hàng hoá
Hệ thống sổ chi phí, bảng kê, bảng phân bổ
- **Phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán** –
khái quát về vốn kinh doanh, kết quả kinh
doanh, luồng tiền tạo ra từ kinh doanh
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Quy trình kế toán



Hệ thống các báo cáo kế toán

- 
-
1. Bảng cân đối kế toán
 2. Báo cáo kết quả kinh doanh
 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 4. (Báo cáo lợi nhuận)
 5. Thuyết minh báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối giữa tài sản và nguồn vốn
giữa huy động vốn và sử dụng vốn

$$\text{TÀI SẢN} = \text{NGUỒN VỐN}$$

$$\text{TÀI SẢN} = \text{NỢ PHẢI TRẢ} + \text{VỐN CHỦ SỞ HỮU}$$

$$\text{VỐN CHỦ SỞ HỮU} = \text{TÀI SẢN} - \text{NỢ PHẢI TRẢ}$$

Báo cáo kết quả kinh doanh

**Báo cáo về thu nhập (lãi, lỗ)
của đơn vị hay còn gọi là báo
cáo thu nhập**

$$\text{LÃI} = \text{THU} - \text{CHI}$$

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ/luồng tiền

Báo cáo về tình hình tạo ra tiền và sử dụng tiền trong đơn vị

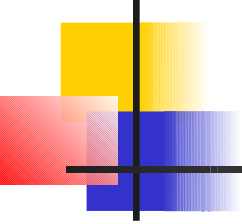
hay còn gọi là báo cáo luồng tiền

**TIỀN TỒN CUỐI KỲ = TIỀN TỒN ĐẦU KỲ
+ LUỒNG TIỀN VÀO TRONG KỲ
- LUỒNG TIỀN RA TRONG KỲ**

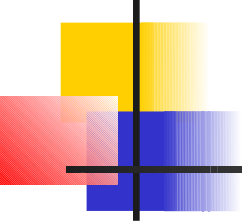
Thuyết minh Báo cáo tài chính

- Giải thích rõ hơn về các báo cáo tài chính
- Phản ánh tài sản không thuộc quyền sở hữu của đơn vị

Yêu cầu đối với kế toán (Điều 6, Luật Kế toán)

- 
-
1. Phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
 2. Kịp thời, đúng thời gian
 3. Rõ ràng, dễ hiểu, chính xác
 4. Trung thực hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị
 5. Liên tục các kỳ liên tiếp

Tóm tắt chương 1

- 
1. Lịch sử phát triển của kế toán, bản chất, chức năng và nhiệm vụ của kế toán
 2. Đối tượng sử dụng thông tin kế toán và yêu cầu đối với thông tin kế toán
 3. Các giả thuyết và các nguyên tắc kế toán được công nhận
 4. Đối tượng kế toán
 5. Phương pháp kế toán
 6. Quy trình kế toán
 7. Đạo đức nghề nghiệp